

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,211,900,959,692	2,916,543,313,685
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31,053,714,794	42,701,081,617
1. Tiền	111		30,253,714,794	7,401,081,617
2. Các khoản tương đương tiền	112		800,000,000	35,300,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		314,610,000,000	646,490,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	314,610,000,000	646,490,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		434,578,670,778	381,082,083,334
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	412,580,912,652	333,325,402,073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24,600,572,660	27,315,356,227
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3,100,000,000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	27,560,407,248	35,141,726,906
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(35,961,101,308)	(14,700,451,872)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	2,697,879,526	
IV. Hàng tồn kho	140		2,333,299,861,772	1,779,610,449,264
1. Hàng tồn kho	141	V.9	2,342,074,989,779	1,783,465,697,424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.9	(8,775,128,007)	(3,855,248,160)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		98,358,712,348	66,659,699,470
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	25,912,236,239	11,362,399,484
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		72,446,476,109	55,297,299,986
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,255,752,178,058	1,970,636,527,255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		22,608,094,440	13,011,730,352
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	678,082,652	150,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	21,930,011,788	12,861,730,352
II. Tài sản cố định	220		1,102,095,359,611	1,046,146,504,946
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	495,896,129,101	553,401,717,110
- Nguyên giá	222		1,599,867,178,952	1,584,024,277,729
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,103,971,049,851)	(1,030,622,560,619)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	253,960,185,490	248,506,968,955
- Nguyên giá	225		293,366,167,308	279,980,613,422
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(39,405,981,818)	(31,473,644,467)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	352,239,045,020	244,237,818,881
- Nguyên giá	228		375,640,450,157	263,021,971,486
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23,401,405,137)	(18,784,152,605)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		896,238,268,370	778,531,417,988
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	896,238,268,370	778,531,417,988

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		119,353,322,937	30,189,824,516
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	69,001,451,300	23,056,019,946
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,304,000,000	20,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2c	(13,152,128,363)	(13,170,195,430)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	43,200,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		115,457,132,700	102,757,049,453
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	99,797,062,338	97,918,620,976
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	15,660,070,362	4,838,428,477
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5,467,653,137,750	4,887,179,840,940
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,585,450,152,251	2,551,594,214,788
I. Nợ ngắn hạn	310		2,419,850,035,225	2,336,515,879,518
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	277,086,090,368	197,615,247,141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	16,380,109,851	44,578,102,703
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	119,036,006,074	19,123,751,904
4. Phải trả người lao động	314	V.19	52,069,688,389	56,068,572,077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	37,799,347,191	7,309,076,735
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	139,321,513
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	148,031,488,696	173,800,365,465
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1,769,247,325,351	1,837,513,462,675
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.23	199,979,305	367,979,305
II. Nợ dài hạn	330		165,600,117,026	215,078,335,270
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12,717,851,809	1,007,142,384
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	152,793,882,814	210,258,315,036
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	88,382,403	3,812,877,850
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,882,202,985,499	2,335,585,626,152
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.25	2,882,202,985,499	2,335,585,626,152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,275,396,250,000	1,275,396,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,612,905,156,247	1,066,287,796,900
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		939,159,921,900	1,066,287,796,900
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		673,745,234,347	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	440		5,467,653,137,750	4,887,179,840,940

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC




Trần Minh Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV Năm 2022

Đơn vị tính : Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,161,218,492,134	1,060,255,737,260	4,934,505,844,469	3,504,425,921,790
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	16,939,359,083	2,356,234,815	37,858,804,031	10,499,600,516
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1,144,279,133,051	1,057,899,502,445	4,896,647,040,438	3,493,926,321,274
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	909,114,878,733	854,049,642,369	3,561,104,727,938	2,940,612,855,979
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		235,164,254,318	203,849,860,076	1,335,542,312,500	553,313,465,295
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	36,023,954,719	14,446,836,484	79,671,732,816	41,027,271,027
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	69,445,744,526	38,630,873,443	188,158,406,601	115,345,794,726
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33,152,241,631	34,745,448,073	105,147,390,933	102,959,352,877
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		42,800,285	286,875,516	(54,568,646)	108,341,747
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6	70,483,909,981	86,036,531,960	378,198,470,565	280,956,940,056
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	18,047,485,065	24,602,525,173	94,215,760,513	56,474,052,865
11 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		113,253,869,750	69,313,641,500	754,586,838,991	141,672,290,422
12 Thu nhập khác	31	VI.8	13,947,994,171	2,093,786,636	21,546,434,254	10,150,550,944
13 Chi phí khác	32	VI.9	966,007,318	77,544,686	2,417,333,020	381,477,344
14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		12,981,986,853	2,016,241,950	19,129,101,234	9,769,073,600
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		126,235,856,603	71,329,883,450	773,715,940,225	151,441,364,022
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	22,451,642,900	13,231,979,975	114,516,843,210	21,003,885,652
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.15, V.24	(2,741,821,267)	3,730,903,439	(14,546,137,332)	1,698,280,638
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		106,526,034,970	54,367,000,036	673,745,234,347	128,739,197,732
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		106,526,034,970	54,367,000,036	673,745,234,347	128,739,197,732
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	838	585	5,300	1,013
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		838	585	5,300	1,013

Người lập biểu/Kế toán trưởng


Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023
Tổng Giám đốc
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh
CÔNG TY CP NAM VIỆT
TP. LONG XUYẾN - T. AN GIANG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

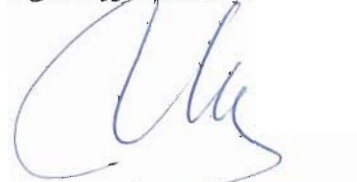
(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV Năm 2022

Đơn vị tính: Đồng

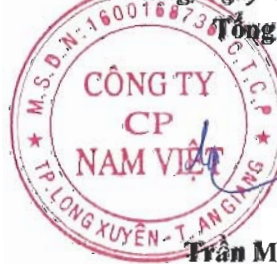
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4,885,811,980,858	3,555,589,486,484
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3,825,000,101,873)	(2,620,954,298,045)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(535,571,671,455)	(429,022,960,387)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(76,380,371,922)	(99,730,798,222)
5. Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(13,438,454,542)	(35,599,495,499)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		68,231,212,167	136,772,874,303
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(194,703,122,544)	(162,658,987,694)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		308,949,470,689	344,395,820,940
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(257,856,952,155)	(324,620,560,877)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		37,354,430,998	92,274,398,370
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,173,480,000,000)	(1,082,774,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,455,776,559,279	759,117,462,027
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(46,000,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	125,440,890,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39,172,706,546	23,357,518,453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		54,966,744,668	(407,204,292,027)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		4,655,118,764,446	4,742,709,517,703
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,830,325,395,258)	(4,581,238,128,900)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(49,510,183,718)	(36,099,447,685)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(149,046,818,740)	(62,974,258,450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(373,763,633,270)	62,397,682,668
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(9,847,417,913)	(410,788,419)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	42,701,081,617	43,798,851,185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,799,948,910)	(686,981,149)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	31,053,714,794	42,701,081,617

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản, sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 08 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân Bón Hữu Cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bất Động Sản Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV CBTATS Nam Việt	Lô A4, KCN Thốt Nốt, P Thới Thuận, Q Thốt Nốt, TP Cần Thơ	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	100%	100%	100%	100%

5b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Lô 4A, Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50% (số đầu năm là 50%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phân cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	257.326.559	322.432.480
Tiền gửi ngân hàng	29.296.388.235	7.078.649.137
Tiền đang chuyển	700.000.000	-
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	<u>800.000.000</u>	<u>35.300.000.000</u>
Cộng	<u>31.053.714.794</u>	<u>42.701.081.617</u>

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.22)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Ngắn hạn	314.610.000.000	314.610.000.000	646.490.000.000	646.490.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	314.610.000.000	314.610.000.000	646.490.000.000	646.490.000.000
Dài hạn	43.200.000.000	43.200.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	43.200.000.000	43.200.000.000	-	-
Cộng	<u>357.810.000.000</u>	<u>357.810.000.000</u>	<u>646.490.000.000</u>	<u>646.490.000.000</u>

Khoản tiền gửi ngân hàng có giá trị 354.810.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh V.22) và thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	69.240.000.000	23.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(238.548.700)	(183.980.054)
Cộng	<u>69.001.451.300</u>	<u>23.056.019.946</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	23.056.019.946	22.947.678.199
Góp vốn	46.000.000.000	-
Phần lãi/lỗ trong kỳ	(54.568.646)	108.341.747
Số cuối kỳ	<u>69.001.451.300</u>	<u>23.056.019.946</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản và thử nghiệm sản phẩm.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê	374.666.667	46.900.000
Doanh thu thi công công trình	56.436.339.172	2.123.375.678
Doanh thu bán thành phẩm	637.900.000	-
Doanh thu bán vật tư	34.863.382	-
Góp vốn	46.000.000.000	-
Doanh thu khác	375.000	-

2c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Cromit				
Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.152.128.363)	20.304.000.000	(13.170.195.430)
Cộng	20.304.000.000	(13.152.128.363)	20.304.000.000	(13.170.195.430)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	13.170.195.430	19.799.611.431
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(18.067.067)	786.583.999
Xóa sổ dự phòng do chuyển nhượng khoản đầu tư	-	(7.416.000.000)
Số cuối kỳ	13.152.128.363	13.710.195.430

3. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	29.231.119.443	1.136.392.231
Công ty TNHH Đại Tây Dương	24.174.029.247	1.136.392.231
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.057.090.196	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	383.349.793.209	332.189.009.842
Các khách hàng nước ngoài	366.955.777.381	288.335.160.218
Các khách hàng trong nước	16.394.015.828	43.853.849.624
Cộng	412.580.912.652	333.325.402.073

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	<i>12.703.810.162</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	12.703.810.162
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>24.600.572.660</i>	<i>14.611.546.065</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	-	457.690.850
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	3.515.518.706	1.664.053.500
Các nhà cung cấp trong nước khác	21.085.053.954	12.489.801.715
Cộng	<u>24.600.572.660</u>	<u>27.315.356.227</u>

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Ông Lê Văn Bì vay	300.000.000	-
Cho Ông Lê Văn Biệt vay	500.000.000	-
Cho Ông Trương Hồng Tư vay	1.000.000.000	-
Cho Ông Nguyễn Văn Thắng	300.000.000	-
Cho Bà Nguyễn Thị Minh Thành	1.000.000.000	-
Cộng	<u>3.100.000.000</u>	<u>-</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Ông Nguyễn Văn Thóc vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>300.000.000</i>	-	<i>300.000.000</i>	-
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>27.260.407.248</i>	<i>(1.361.460)</i>	<i>34.841.776.906</i>	<i>(494.205.315)</i>
Tạm ứng	6.040.586.378	(1.361.460)	11.649.392.823	(494.205.315)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.960.736.002	-	8.367.162.638	-
Tiền lãi cho vay	169.043.729	-	710.137	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	500.000	-	32.780.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.089.541.139	-	14.791.731.308	-
Cộng	<u>27.560.407.248</u>	<u>(1.361.460)</u>	<u>35.141.776.906</u>	<u>(494.205.315)</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Phải thu tiền bán hàng		62.979.314.482		30.107.447.082
		27.707.962.075		15.901.200.525
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	22.329.400.000
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	55.201.267.400	27.600.633.700	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	357.761.250
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	357.761.250	107.328.375	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	305.799.667
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	7.420.285.832	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	7.114.486.165
Phải thu tạm ứng		986.133.550		988.410.630
		296.384.649		494.205.315
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	2.722.920	1.361.460	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	988.410.630
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	983.410.630	295.023.189	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	-
Cộng		63.965.448.032		31.095.857.712
		28.004.346.724		16.395.405.840

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.700.451.872	14.677.464.881
Trích lập dự phòng bổ sung	21.260.649.436	22.986.991
Số cuối kỳ	35.961.101.308	14.700.451.872

8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của vùng nuôi Nam Việt do ảnh hưởng của sạt lở đất đang chờ xử lý

9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.046.027.500	-	6.315.692.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	320.156.116.503	-	186.803.389.087	-
Công cụ, dụng cụ	6.115.914.143	-	6.769.967.544	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.108.503.095.375	-	1.079.661.107.729	-
Thành phẩm	894.176.391.258	(8.775.128.007)	437.118.654.403	(3.855.248.160)
Hàng gửi đi bán	-	-	66.796.886.661	-
Hàng hóa	1.077.445.000	-	-	-
Cộng	2.342.074.989.779	(8.775.128.007)	1.783.465.697.424	(3.855.248.160)

Hàng tồn kho có trị giá 124.153.522.938 VND (số đầu năm là 130.514.428.089 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	3.855.248.160	4.069.310.138
Trích lập dự phòng bổ sung	4.919.879.847	(214.061.978)
Số cuối kỳ	<u>8.775.128.007</u>	<u>3.855.248.160</u>

10. Chi phí trả trước

10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	1.068.733.336	1.248.733.333
Công cụ, dụng cụ	6.621.995.054	1.763.494.066
Chi phí sửa chữa	7.331.137.565	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.890.370.284	8.350.172.085
Cộng	<u>25.912.236.239</u>	<u>11.362.399.484</u>

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	54.218.243.773	55.852.557.158
Công cụ, dụng cụ	1.764.175.421	3.824.505.966
Chi phí sửa chữa	10.419.808.571	3.882.808.529
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	18.948.955.170	20.315.633.346
Các chi phí trả trước dài hạn khác	14.445.879.403	14.043.115.977
Cộng	<u>99.797.062.338</u>	<u>97.918.620.976</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	369.579.321.547	964.681.400.330	131.375.578.874	14.478.832.340	103.909.144.638	1.584.024.277.729
Mua trong kỳ	-	37.431.108.803	6.208.658.541	2.526.130.892	2.476.600.000	48.642.498.236
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.000.236.046	1.676.212.842	4.441.825.518	-	1.165.851.022	8.284.125.428
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	46.120.878.534	-	-	-	46.120.878.534
Thanh lý, nhượng bán	-	(86.752.532.566)	(452.068.409)	-	-	(87.204.600.975)
Số cuối kỳ	<u>370.579.557.593</u>	<u>963.157.067.943</u>	<u>141.573.994.524</u>	<u>17.004.963.232</u>	<u>107.551.595.660</u>	<u>1.599.867.178.952</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	265.390.209.638	475.237.977.275	47.320.788.392	9.964.967.140	4.451.423.364	802.365.365.809
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	295.604.700.703	618.727.776.671	69.785.516.874	10.645.889.861	35.858.676.510	1.030.622.560.619
Khấu hao trong kỳ	12.565.987.714	55.311.411.365	13.038.569.189	1.204.601.861	10.127.754.199	92.248.324.328
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	16.452.160.899	-	-	-	16.452.160.899
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.899.927.586)	(452.068.409)	-	-	(35.351.995.995)
Số cuối kỳ	308.170.688.417	655.591.421.349	82.372.017.654	11.850.491.722	45.986.430.709	1.103.971.049.851
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	73.974.620.844	345.953.623.659	61.590.062.000	3.832.942.479	68.050.468.128	553.401.717.110
Số cuối kỳ	62.408.869.176	307.565.646.594	59.201.976.870	5.154.471.510	61.565.164.951	495.896.129.101

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - - - - -

Đang chờ thanh lý - - - - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 81.902.396.115 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank.

12. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.980.613.422	31.473.644.467	248.506.968.955
Thuê tài chính trong kỳ	59.506.432.420		
Mua lại tài sản thuê tài chính	(46.120.878.534)	(16.452.160.899)	
Khấu hao trong kỳ		24.384.498.250	
Số cuối kỳ	293.366.167.308	39.405.981.818	253.960.185.490

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	262.740.980.486	280.991.000	263.021.971.486
Mua trong kỳ	112.790.036.704	-	112.790.036.704
Giảm do nhà nước thu hồi	(171.558.033)		(171.558.033)
Số cuối kỳ	375.359.459.157	280.991.000	375.640.450.157

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 643.380.000 280.991.000 924.371.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	18.503.161.605	280.991.000	18.784.152.605
Khấu hao trong kỳ	4.617.252.532	-	4.617.252.532
Số cuối kỳ	23.120.414.137	280.991.000	23.401.405.137
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	244.237.818.881	-	244.237.818.881
Số cuối kỳ	352.239.045.020	-	352.239.045.020
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 101.395.819.859 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	18.726.266.176	197.272.390.341	(133.204.628.181)	(7.135.075.700)	75.658.952.636
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	742.602.036.960	83.035.641.897	(8.284.125.428)	(1.710.127.195)	815.643.426.234
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	576.365.517.861	13.757.097.637	(1.165.851.022)	(29.571.954)	588.927.192.522
<i>Tiền mua đất (*)</i>	565.173.927.263	10.339.915.553	-	-	575.513.842.816
<i>Chi phí xây dựng các hạng mục công trình</i>	10.539.048.206	1.996.362.344	-	(29.571.954)	12.505.838.596
<i>Chi phí đào ao</i>	652.542.392	1.420.819.740	(1.165.851.022)	-	907.511.110
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	155.205.237.156	54.279.845.498	-	(11.020.000)	209.474.062.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.125.986.815	4.409.420.693	(901.205.837)	(583.710.170)	5.050.491.501
Nhà máy chế biến thức ăn	259.458.532	-	-	(259.458.532)	-
Dự án điện năng lượng mặt trời	5.751.811.364	-	-	-	5.751.811.364
Các hạng mục khác	2.894.025.232	10.589.278.069	(6.217.068.569)	(826.366.539)	6.439.868.193
<i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	17.203.114.852	5.262.281.905	-	(17.529.507.257)	4.935.889.500
Cộng	778.531.417.988	285.570.314.143	(141.488.753.609)	(26.374.710.152)	896.238.268.370

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.838.428.477	4.833.250.000
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	10.821.641.885	(196.250.000)
Số cuối kỳ	15.660.070.362	4.637.000.000

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% - 15% - 20%.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>42.023.152.866</i>	<i>1.879.935.804</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	2.016.152.866	1.879.935.804
Ông Doãn Chí Thanh	40.000.000.000	-
Công ty TNHH TMDV Navifeed	7.000.000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>235.062.937.502</i>	<i>195.735.311.337</i>
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.039.950.064	7.831.853.088
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	12.991.154.738	2.808.254.300
Các nhà cung cấp trong nước	214.031.832.700	185.095.203.949
Cộng	277.086.090.368	197.615.247.141

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>11.056.568.772</i>
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	-	11.056.568.772
<i>Trả trước của người mua khác</i>	<i>16.380.109.851</i>	<i>33.521.533.931</i>
Các khách hàng nước ngoài	10.570.799.229	19.957.957.365
Các khách hàng trong nước	5.809.310.622	13.563.576.566
Cộng	16.380.109.851	44.578.102.703

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.914.625.647	53.720.433.577	(52.272.004.053)	4.363.055.171
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	177.150.391	(177.150.391)	-
Thuế nhập khẩu	-	27.119.438	(27.119.438)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.116.012.270	114.516.843.210	(13.438.454.542)	114.194.400.938
Thuế thu nhập cá nhân	2.959.936.761	11.885.722.960	(14.500.213.622)	345.446.099
Thuế tài nguyên	12.660.560	142.966.560	(143.039.920)	12.587.200
Tiền thuế đất	120.516.666	72.310.000	(72.310.000)	120.516.666
Thuế môn bài	-	20.000.000	(20.000.000)	-
Cộng	19.123.751.904	180.562.546.136	(80.650.291.966)	119.036.006.074

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	
+ Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai, tính thuế
+ Công ty mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	115.249.693.353	20.338.945.391
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(732.850.143)	664.940.261
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	114.516.843.210	21.003.885.652

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³ x 8%.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	28.022.827.383	216.986.301
Ông Doãn Tới- Chi phí lãi vay	28.022.827.383	-
Bà Dương Thị Kim Hương – Chi phí lãi vay	-	216.986.301
Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác	9.776.519.808	7.092.090.434
Chi phí lãi vay	3.733.106.443	2.011.501.340
Chi phí cước tàu	1.180.060.000	1.855.592.000
Chi phí hoa hồng môi giới	3.635.323.915	2.912.629.094
Chi phí kiểm nghiệm	162.404.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.065.625.450	312.368.000
Cộng	37.799.347.191	7.309.076.735

21. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	93.146.499.000	156.786.578.947
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	71.805.000.000	139.566.578.947
Ông Doãn Chí Thiên – Cổ tức phải trả	4.159.999.000	60.000.000
Ông Doãn Chí Thanh – Cổ tức phải trả	17.160.000.000	17.160.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp – Cổ tức phải trả	19.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Liêm – Cổ tức phải trả	2.500.000	-
Bà Dương Thị Kim Loan – Cổ tức phải trả	50.000	-
Ông Dương Minh Phong – Cổ tức phải trả	444.000	-
Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác	54.884.989.696	17.013.786.518
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	10.730.366.603	7.313.753.259
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.884.430.000	2.417.530.000
Cổ tức phải trả	35.977.547.898	2.100.981.099
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.292.645.195	5.181.522.160
Cộng	148.031.488.696	173.800.365.465

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính

22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	305.896.923.400	510.110.473.400
Vay Bà Dương Thị Kim Hương	-	40.000.000.000
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	305.896.923.400	470.110.473.400
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.463.350.401.951	1.327.402.989.275
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.397.888.999.366	1.239.577.442.880
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(b)	488.400.094.662	264.497.902.879
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(c)	201.745.582.976	125.110.555.090

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(d)	116.140.621.569	113.396.408.100
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(e)	120.582.896.092	88.518.988.200
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(f)	264.454.305.053	456.627.479.650
Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	78.624.432.250
Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ^(g)	57.003.100.000	68.295.000.000
Vay Ngân hàng TNHH CTBC ^(h)	71.406.659.014	8.896.822.712
Vay Ngân hàng BPCE IOM ⁽ⁱ⁾	46.955.740.000	23.925.378.400
Vay Ngân hàng Chính sách Xã Hội Quận Thốt Nốt	-	11.684.475.599
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ^(j)	31.200.000.000	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	5.573.808.210	5.733.808.210
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	-	15.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	9.999.999.996	19.101.519.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	49.887.594.379	47.690.218.189
Cộng	<u>1.769.247.325.351</u>	<u>1.837.513.462.675</u>

- (a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9), quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13)
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13).
- (d) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (i) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.1 và V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.577.442.880	4.409.777.385.777	-	(12.456.063.280)	(4.366.099.900.280)	1.397.888.999.366
Vay ngắn hạn các tổ chức	5.733.808.210	148.250.134.269	-	-	(25.426.000.000)	5.573.808.210
Vay ngắn hạn cá nhân	525.410.473.400	157.800.000.000	-	-	(377.313.550.000)	305.896.923.400
Vay dài hạn đến hạn trả	19.101.519.996	3.900.000.000	9.999.999.996	-	(23.001.519.996)	9.999.999.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	47.690.218.189	-	55.347.826.849	-	(53.150.450.659)	49.887.594.379
Cộng	1.837.513.462.675	4.719.727.520.046	65.347.826.845	(12.456.063.280)	(4.844.991.420.935)	1.769.247.325.351

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱ⁾	200.000.000	200.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	26.666.666.676	82.163.626.672
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ</i>	-	45.496.960.000
<i>Vay Ngân hàng United Overseas Bank⁽ⁱⁱ⁾</i>	26.666.666.676	36.666.666.672
Nợ thuê tài chính	125.927.216.138	127.894.688.364
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	32.348.523.022	43.347.500.530
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	53.601.263.588	71.982.600.908
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	1.085.620.244	4.085.421.363
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	38.891.809.284	8.479.165.563
Cộng	152.793.882.814	210.258.315.036

(i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

(ii) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động (bù đắp chi phí đầu tư) với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.11).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	36.666.666.672	9.999.999.996	26.666.666.676	-
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.814.810.517	49.887.594.379	125.927.216.138	-
Cộng	212.681.477.189	59.887.594.375	152.593.882.814	200.000.000
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	101.265.146.668	19.101.519.996	73.072.746.672	9.090.880.000
Vay dài hạn các cá nhân	200.000.000	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	175.584.906.553	47.690.218.189	127.647.685.582	247.002.782
Cộng	277.050.053.221	66.791.738.185	200.720.432.254	9.537.882.782

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	82.163.626.672	-	(45.496.960.000)	(9.999.999.996)	26.666.666.676
Vay dài hạn cá nhân	200.000.000	-	-	-	200.000.000
Nợ thuê tài chính	127.894.688.364	57.444.910.981	(4.064.556.358)	(55.347.826.849)	125.927.216.138
Cộng	210.258.315.036	57.444.910.981	(49.561.516.358)	(65.347.826.845)	152.793.882.814

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	204.348.145	(168.000.000)	36.348.145
Cộng	367.979.305	(168.000.000)	199.979.305

24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.812.877.850	2.109.418.735
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.724.495.447)	1.703.459.115
Số cuối kỳ	88.382.403	3.812.877.850

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Vốn chủ sở hữu

25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	41.599.990.000	121.599.990.000
Các cổ đông khác	340.028.760.000	260.028.760.000
Cộng	<u>1.271.278.750.000</u>	<u>1.271.278.750.000</u>

25c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.539.625	127.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	127.539.625	127.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	127.127.875	127.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

26a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	881.892,07	99.615,50
Euro (EUR)	2.355,74	3.860,55
Dollar Úc (AUD)	715,12	5.601,44
Rub Nga (RUB)	962,47	-

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Khách hàng nước ngoài	9.429.672,13	182.042.547.939	9.429.672,13	182.042.547.939
Khách hàng trong nước		20.834.599.657		20.834.599.657
Cộng		<u>202.877.147.596</u>		<u>202.877.147.596</u>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.115.056.451.961	1.031.324.535.479
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	23.876.052.949	22.829.824.110
Doanh thu công trình xây lắp	16.968.654.586	-
Doanh thu khác	5.317.332.638	6.101.377.671
Cộng	<u>1.161.218.492.134</u>	<u>1.060.255.737.260</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Navifeed		
Doanh thu bán thành phẩm	295.300.000	56.517.946.480
Doanh thu khác	-	545.377.500
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Doanh thu bán điện	6.843.322.395	5.478.478.406
Doanh thu khác	129.717.600	27.007.140
Ông Doãn Tới		
Doanh thu khác	-	42.746.921

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	14.380.099.123	996.630.400
Giảm giá hàng bán	2.559.259.960	1.359.604.415
Cộng	<u>16.939.359.083</u>	<u>2.356.234.815</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	885.909.779.802	846.532.032.887
Giá vốn điện mặt trời	4.168.835.282	6.654.547.770
Giá vốn khác	2.991.466.986	2.490.229.146
Giá vốn công trình xây lắp	13.667.850.032	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.376.946.631	(1.627.167.434)
Cộng	<u>909.114.878.733</u>	<u>854.049.642.369</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	7.111.065.668	7.835.990.485
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.373.503	8.389.465
Lãi tiền cho vay	175.066.774	710.137
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.854.650.719	6.463.529.709
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.345.720.789	-
Lãi bán hàng trả chậm	493.647.060	27.057.657
Doanh thu hoạt động tài chính khác	33.430.206	111.159.031
Cộng	<u>36.023.954.719</u>	<u>14.446.836.484</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí lãi vay	33.152.241.631	34.745.448.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	35.220.447.246	1.933.661.360
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.962.723.715
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	1.073.055.649	(540.172.021)
Chi phí tài chính khác	-	529.212.316
Cộng	<u>69.445.744.526</u>	<u>38.630.873.443</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.103.004.477	1.923.152.208
Chi phí vật liệu, bao bì	23.404.975	73.430.629
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	156.546.321	32.767.044
Chi phí hoa hồng	11.879.945.200	12.632.943.426
Chi phí vận chuyển	44.118.097.497	61.043.741.551
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.283.727.324	10.080.418.498
Các chi phí khác	919.184.187	250.078.604
Cộng	<u>70.483.909.981</u>	<u>86.036.531.960</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.775.884.683	8.172.097.691
Chi phí vật liệu quản lý	270.621.498	1.498.253.762
Chi phí đồ dùng văn phòng	195.642.756	595.613.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.180.890.556	415.103.939
Thuế, phí và lệ phí	1.499.118.659	1.084.853.593
Dự phòng phải thu khó đòi	111.133.446	8.320.093.857
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.460.877.677	1.669.992.141
Các chi phí khác	2.553.315.790	2.846.516.591
Cộng	<u>18.047.485.065</u>	<u>24.602.525.173</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	438.101.779	-
Xử lý công nợ tồn lâu	819.926.132	507.752.631
Xử lý kiểm kê thừa	8.462.502.835	-
Thu bồi thường	3.277.136.387	1.416.296.650
Thu nhập khác	950.327.038	169.737.355
Cộng	<u>13.947.994.171</u>	<u>2.093.786.636</u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	37.823.826
Thuế bị phạt, truy thu	17.857.072	-
Xử lý công nợ tồn lâu	817.250	-
Chi phí khác	947.332.996	39.720.860
Cộng	<u>966.007.318</u>	<u>77.544.686</u>

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	673.745.234.347	128.739.197.732
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	673.745.234.347	128.739.197.732
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	127.127.875	127.127.875
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>5.300</u>	<u>1.013</u>

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn đi vay	157.800.000.000	517.336.250.000
Lãi vay	35.112.669.487	24.113.253.052
Tập đoàn chia cổ tức	71.805.000.000	71.805.000.000
Bà Dương Thị Kim Hương		
Lãi vay	1.184.859.409	7.379.206.917
Ông Doãn Chí Thanh		
Lãi vay	-	1.509.861.308
Tạm ứng	-	500.000.000
Tập đoàn mua đất	110.000.000.000	-
Tập đoàn chia cổ tức	17.160.000.000	17.160.000.000
Chi hộ	3.134.330	-
Ông Doãn Chí Thiên		
Tập đoàn đi vay	-	40.500.000.000
Lãi vay	-	1.165.674.982
Tạm ứng	771.637.000	-
Tập đoàn chia cổ tức	4.159.999.000	12.159.999.000
Ông Doãn Quốc Hội		
Cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay	8.189.041	-
Các thành viên quản lý chủ chốt		
Tạm ứng	2.944.606.359	510.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16, V.20, V.21 và V.22.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed	Công ty do con của Tổng Giám Đốc thành lập
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám Đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho, tiền điện	36.817.948.043	18.356.669.496
Phí sử dụng hạ tầng	496.656.540	484.814.022
Thu hộ	2.956.116.598	-
Mua tài sản	277.777.778	-
Mua vật tư, công cụ dụng cụ	22.374.823.038	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed		
Lãi bán hàng trả chậm	-	302.392.970
Mua dịch vụ khác	104.363.633	57.272.725
Thu hộ tiền điện	-	1.303.434
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi		
Mua sản phẩm, vật tư	86.114.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.16 và V.17.

2. **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Xuất khẩu	940.264.413.633	444.038.095.894
Trong nước	204.014.719.418	211.761.627.636
Cộng	<u>1.144.279.133.051</u>	<u>655.799.723.530</u>

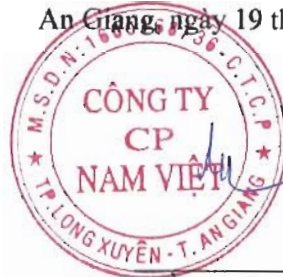
2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 96%.

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023



Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập biểu / Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,064,676,474,168	-	2,333,974,303,420
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	128,739,197,732	-	128,739,197,732
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển vốn về lợi nhuận	-	-	-	-	(127,127,875,000)	-	(127,127,875,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,066,287,796,900	-	2,335,585,626,152
Số dư đầu năm nay	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,066,287,796,900	-	2,335,585,626,152
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	673,745,234,347	-	673,745,234,347
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(127,127,875,000)	-	(127,127,875,000)
Số dư cuối kỳ này năm nay	1,275,396,250,000	21,489,209,100	-	(27,587,629,848)	1,612,905,156,247	-	2,882,202,985,499

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Nguyễn Hà Thu Diễm

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

Phó Tổng Giám đốc

Số : 138 /CV-KTTC

An Giang, ngày 19 tháng 01 năm 2023

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
hợp nhất quý IV/2022 so với cùng kỳ năm trước"

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2022 đạt 106,5 tỷ đồng, tăng 53 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất quý IV/2022 đạt 1.144 tỷ đồng, tăng 86 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù sản lượng bán cá tra đông lạnh giảm, giá bán cá tra đông lạnh giảm nhưng sản lượng bán chả cá tăng, giá bán chả cá tăng. Dẫn đến lợi nhuận gộp hợp nhất quý IV/2022 đạt 235 tỷ đồng, tăng 31,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 149% và chi phí tài chính tăng 77% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng biến động tỷ giá ngoại tệ.

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh